CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Du lịch Dịch vụ Hà Nội

Ngày 31/03/2025	36,200 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	36.1%	**17.2%**	**50.2%**

DT thuần
Q1/25
25.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▼10.0| -27.9%
YoY: ▲ 3.70| 16.9%

LN thuần
Q1/25
10.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.30| -10.8%
YoY: ▼2.20| -16.9%

LN sau thuế
Q1/25
8.75
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.45| -14.2%
YoY: ▼2.05| -19.0%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/25
42.0%
YoY: +/-▲ 7.9%

ROE (TTM)
Q1/25
9.2%
YoY: +/-▼ 0.3%

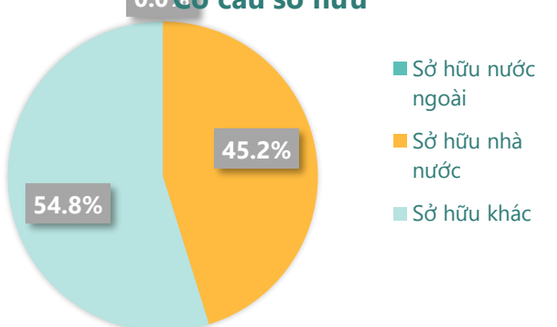
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	16,388 - 38,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,708
Số lượng CPLH (CP)	74,797,400
KLGD BQ 20 phiên (CP)	150
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.93
EPS	1,065
P/E	34.0

DT thuần
2024
144
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 3.00| 2.5%

LN thuần
2024
90.2
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 4.60| 5.4%

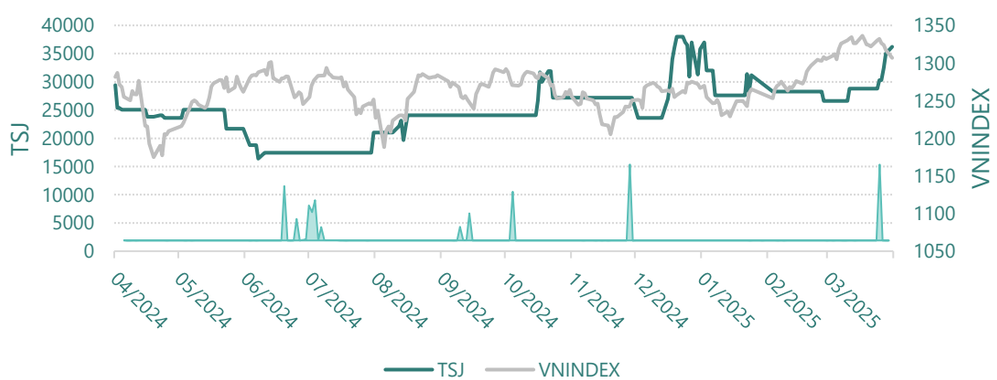
LN sau thuế
2024
81.7
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 6.30| 8.3%

Cơ cấu sở hữu

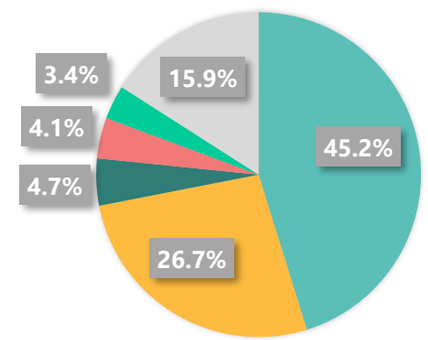


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

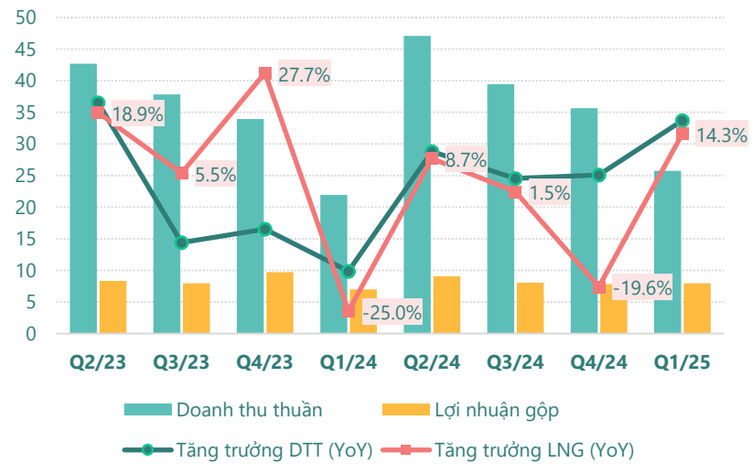


Tổng Công ty Du lịch Hà Nội - Công ty TNHH
CTCP Phát triển TN
CTCP Du Lịch Việt Nam thành phố Hồ Chí Minh
CTCP Chứng khoán Asean
Lưu Thị Tuyết Mai
Khác

(Nguồn: fireant.vn)

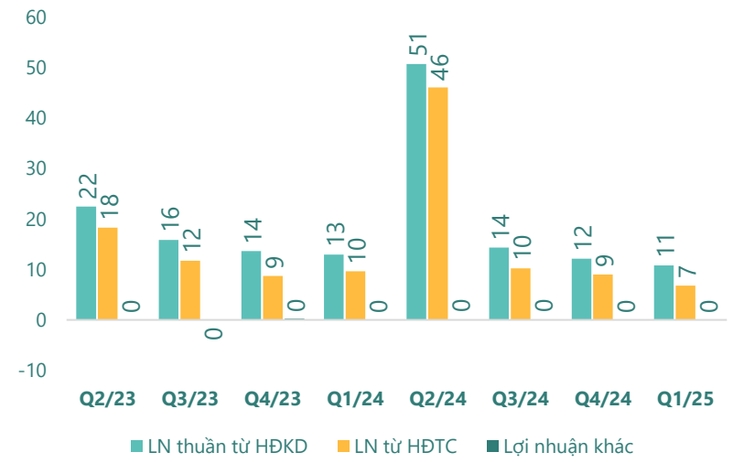
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



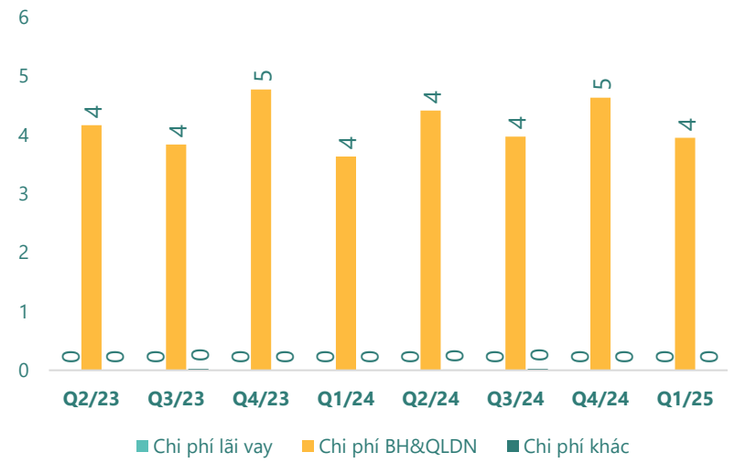
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



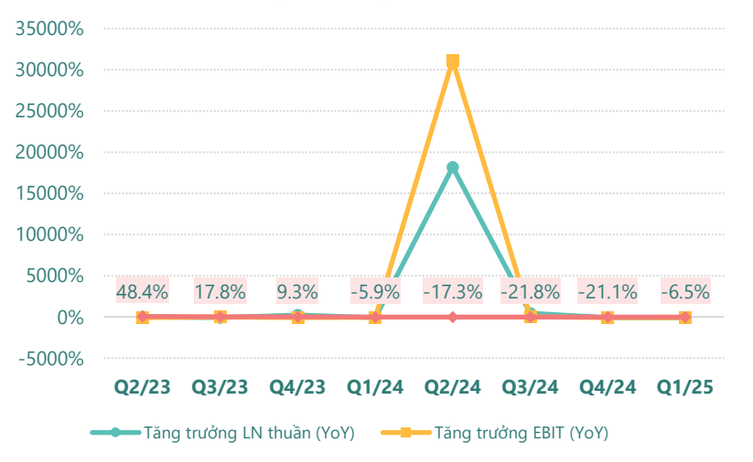
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



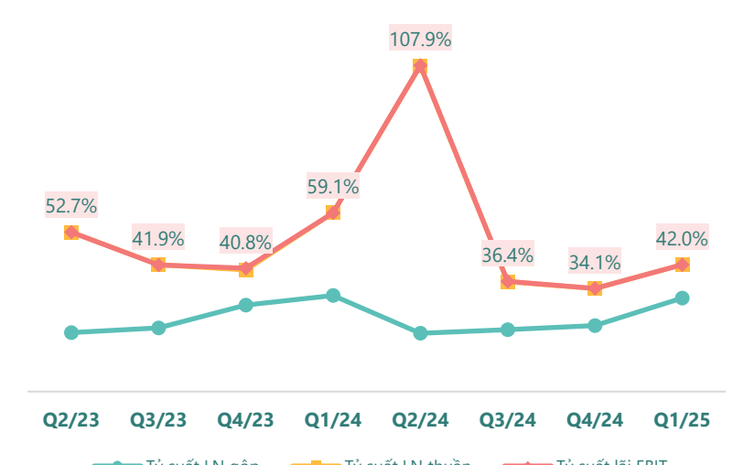
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



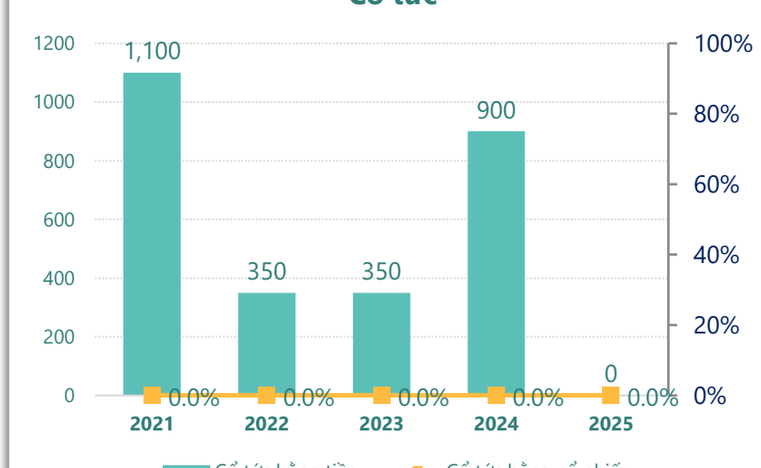
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

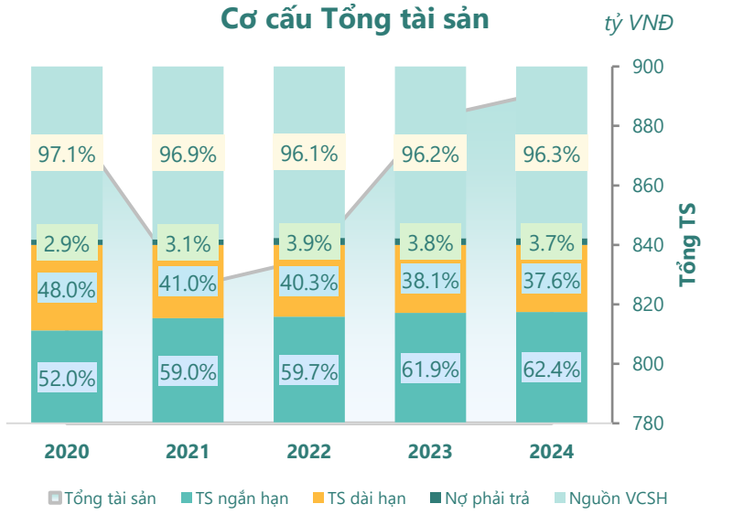
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

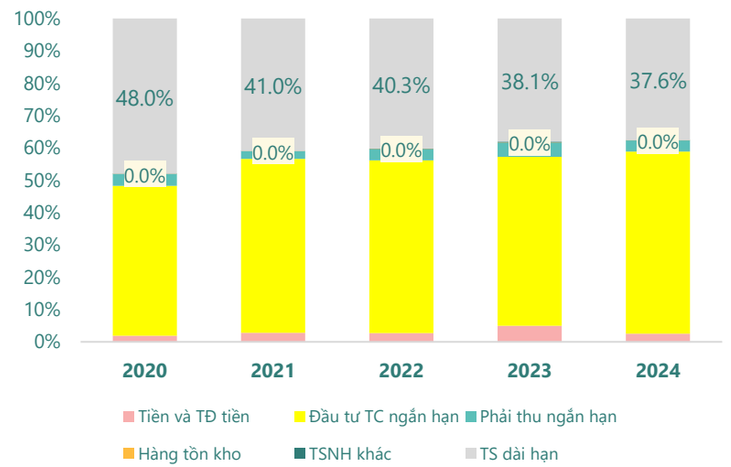
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



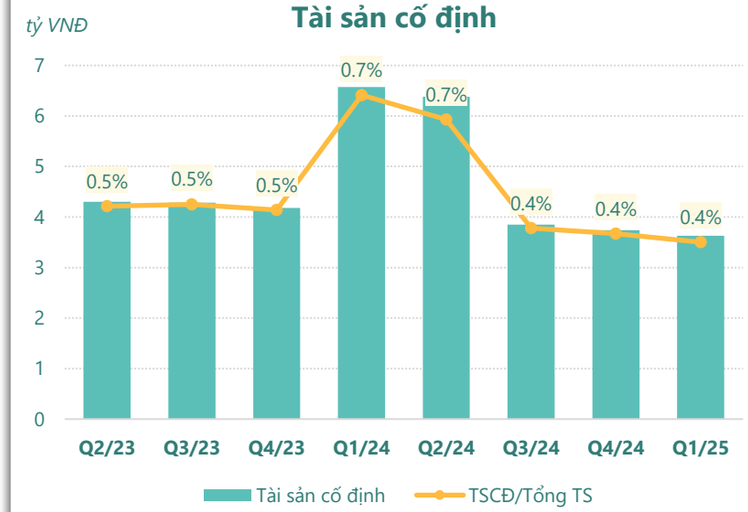
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



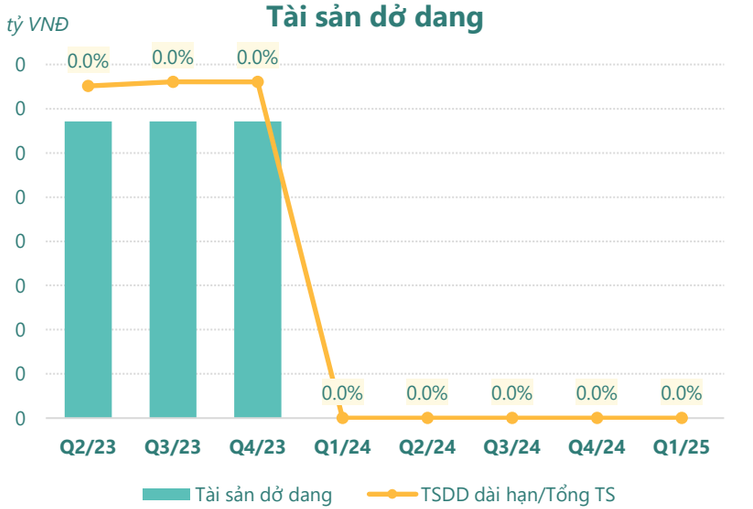
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



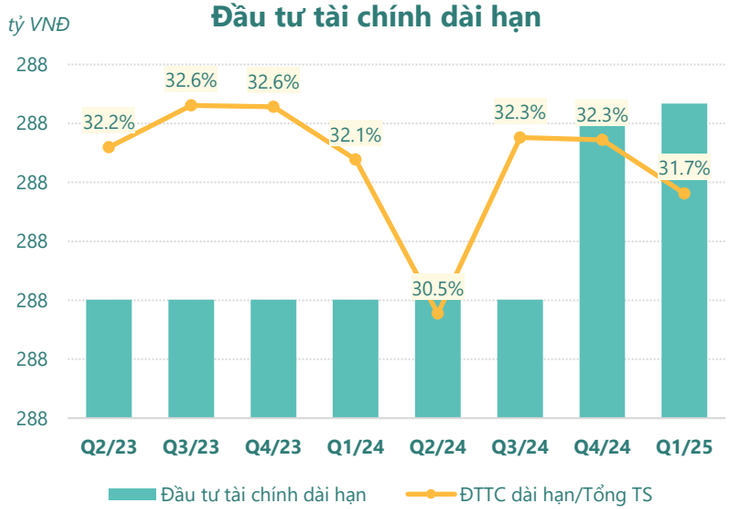
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



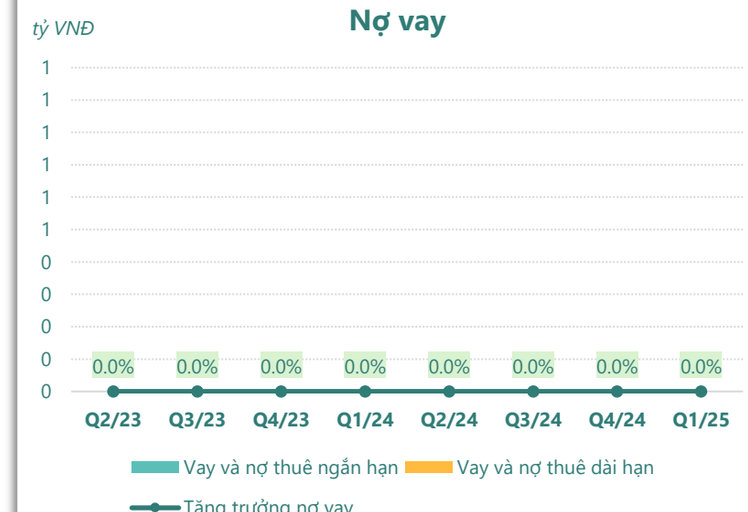
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

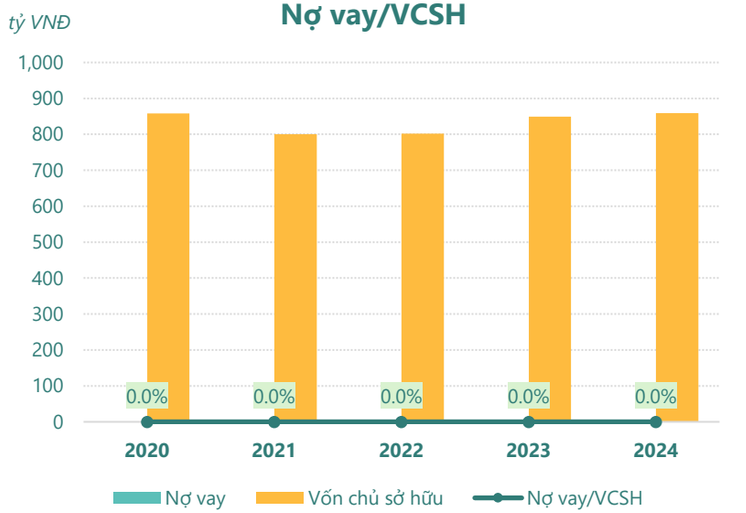
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

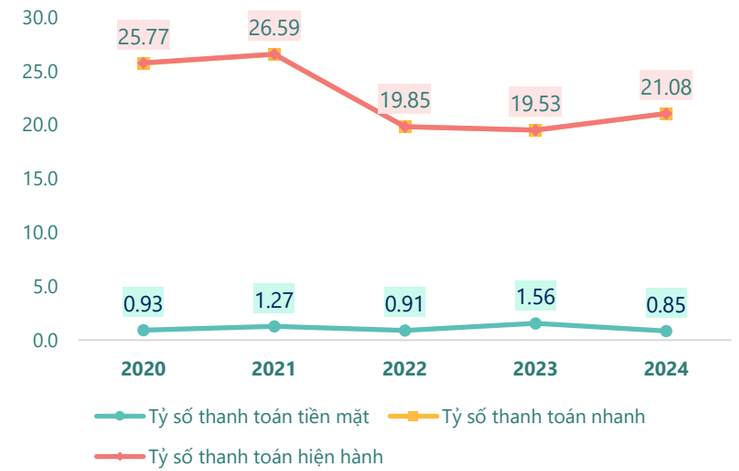
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



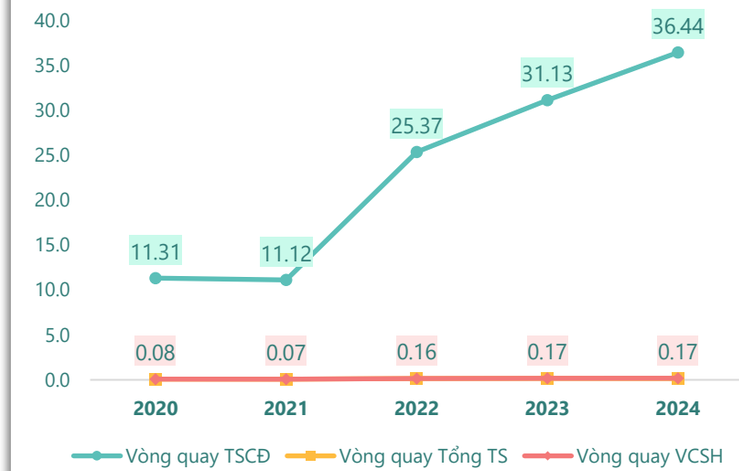
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



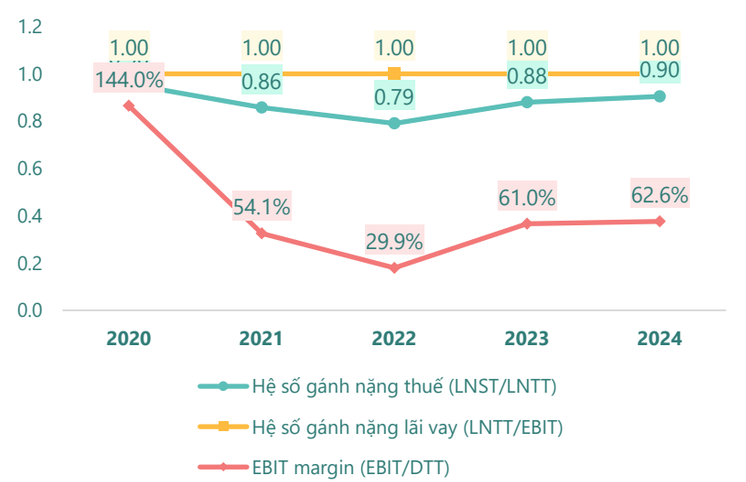
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



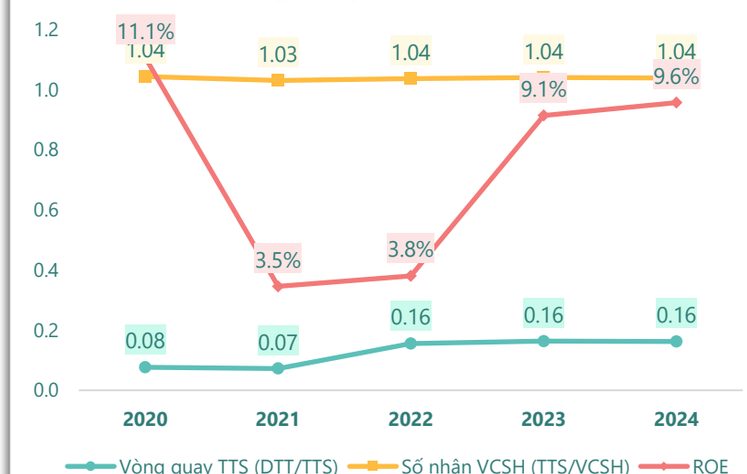
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



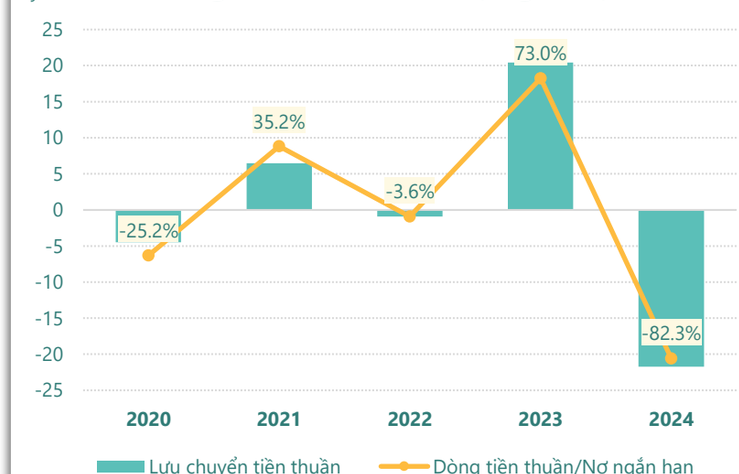
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**25.7**	**22.0**	**16.9%**	**144**	**141**	**2.5%**
Giá vốn hàng bán	17.8	15.0	18.4%	112	105	6.6%
Lợi nhuận gộp	7.97	6.97	14.3%	31.9	35.3	-9.6%
Doanh thu HĐTC	6.79	9.64	-29.6%	74.9	66.6	12.4%
Chi phí TC	0.00	0.00		-0.06	-0.15	57.5%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	1.73	1.55	11.6%	7.27	7.30	-0.4%
Chi phí QLDN	**2.23**	**2.09**	**6.5%**	**9.40**	**9.17**	**2.5%**
LN thuần từ HĐKD	10.8	13.0	-16.9%	90.2	85.6	5.4%
Lợi nhuận khác	**0.00**	**0.00**		**0.11**	**0.20**	**-44.7%**
LN trước thuế	10.8	13.0	-16.9%	90.3	85.8	5.3%
Lợi nhuận sau thuế	**8.75**	**10.8**	**-19.0%**	**81.7**	**75.4**	**8.3%**
LNST của CĐ cty mẹ	**8.75**	**10.8**	**-19.0%**	**81.7**	**75.4**	**8.3%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-3.10	-1.20	6.32	5.42	-5.47	5.26
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	22.6	-19.6	60.5	4.79	-5.21	-4.52
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.09	0.00	0.00	-67.0	-0.36	0.01
Tiền đầu kỳ	24.3	43.8	23.2	90.3	33.2	22.5
Lưu chuyển tiền thuần	**19.4**	**-20.8**	**66.8**	**-56.8**	**-11.0**	**0.75**
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.02	0.25	0.26	-0.33	0.29	0.05
Tiền cuối kỳ	43.8	23.2	90.3	33.2	22.5	23.3

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**907**	**892**	**1.7%**
Tài sản ngắn hạn	572	556	2.8%
Tiền và tương đương tiền	23.3	22.5	3.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	514	502	2.4%
Phải thu ngắn hạn	30.8	30.6	0.7%
Hàng tồn kho	0.45	0.36	27.4%
Tài sản ngắn hạn khác	2.90	0.49	490%
Tài sản dài hạn	**335**	**336**	**-0.2%**
Phải thu dài hạn	1.50	1.50	0.0%
Tài sản cố định	3.63	3.74	-2.9%
Bất động sản đầu tư	39.2	39.9	-1.7%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	288	288	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**2.98**	**2.77**	**7.7%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	39.0	32.9	18.7%
Nợ ngắn hạn	**30.1**	**26.4**	**14.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	1.81	0.34	427%
Nợ dài hạn	8.95	6.50	37.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**868**	**859**	**1.0%**
Vốn chủ sở hữu	**868**	**859**	**1.0%**
Vốn điều lệ	748	748	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)